

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận các thí sinh được miễn thi môn Cơ bản và môn Cơ sở
trong kỳ tuyển sinh Sau Đại học đợt 1 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 11/11/2020 của Hội đồng Trường về việc
ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học
Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-ĐHNL ngày 26/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học
Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau Đại học đợt 1 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-ĐHNL ngày 28/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học
Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc thành lập các Tiểu ban chuyên môn xét tuyển hồ sơ ứng viên
dự tuyển đào tạo trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2025 và biên bản họp xét tuyển của các Tiểu ban chuyên
môn;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các thí sinh được miễn thi môn Cơ bản và môn Cơ sở trong kỳ tuyển sinh
Cao học đợt 1 năm 2025 (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh có tên trong danh sách trên được miễn thi môn Cơ bản và môn Cơ sở
theo Quy chế hiện hành về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quyết định số 2812/QĐ-
ĐHNL-SĐH ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các Thành viên trong Hội đồng tuyển sinh Sau đại học, Trưởng Phòng Đào tạo Sau
đại học và các thí sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.SĐH.



CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC MIỄN THI MÔN CƠ BẢN VÀ MÔN CƠ SỞ

(Đính kèm Quyết định số 2340 /QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 14 tháng 6 năm 2025)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự tuyển
1	Võ Nguyễn Thúy Duyên	20/ 9/2001	Tiền Giang	Bảo vệ thực vật
2	Nguyễn Văn Hậu	2/ 1/1996	Đồng Tháp	Bảo vệ thực vật
3	Trần Gia Phú	16/11/2002	Gia Lai	Bảo vệ thực vật
4	Trương Đức Tài	30/ 5/2002	Lâm Đồng	Bảo vệ thực vật
5	Nguyễn Phúc Tân	15/ 9/2000	Tiền Giang	Bảo vệ thực vật
6	Đàm Thị Thúy Hải	25/ 9/2000	Đắk Lắk	Chăn nuôi
7	Trần Thị Liên	25/10/2000	Đắk Lắk	Chăn nuôi
8	Trần Thị Thanh	20/12/1995	Hà Nam	Chăn nuôi
9	Trần Thị Tuyết	19/ 3/1999	Đồng Nai	Chăn nuôi
10	Trần Thị Ngọc Ánh	28/ 4/2002	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học
11	Nguyễn Thị Bửu Châu	6/ 1/2001	Khánh Hoà	Công nghệ sinh học
12	Nguyễn Thị Thanh Hà	1/10/1999	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ sinh học
13	Nguyễn Văn Hậu	15/ 3/2000	Phú Yên	Công nghệ sinh học
14	Nguyễn Thị Huế	11/10/1995	Thanh Hoá	Công nghệ sinh học
15	Nguyễn Thị Phương Thảo	1/ 9/1990	Gia Lai	Công nghệ sinh học
16	Vũ Văn Tuấn	25/ 7/2001	Đồng Nai	Công nghệ sinh học
17	Nguyễn Thị Kim Cương	12/ 2/2002	Bến Tre	Công nghệ thực phẩm
18	Trần Hiếu	2/10/1999	Vĩnh Long	Công nghệ thực phẩm
19	Nguyễn Thành Hưng	18/12/1999	Tiền Giang	Công nghệ thực phẩm
20	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/ 9/1999	Lâm Đồng	Công nghệ thực phẩm
21	Nguyễn Văn Phúc	13/ 2/2001	Quảng Nam	Công nghệ thực phẩm
22	Phạm Hoàng Phúc	22/ 7/1995	Cà Mau	Công nghệ thực phẩm
23	Từ Minh Thuận	12/ 3/2003	Tiền Giang	Công nghệ thực phẩm
24	Nguyễn Thị Vân	8/ 4/1988	Hà Tĩnh	Công nghệ thực phẩm
25	Trần Nguyễn Tuyết Băng	18/ 5/2001	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học cây trồng
26	Ngô Hoàng Giang	6/12/2002	Phú Yên	Khoa học cây trồng
27	Vương Nguyễn Sông Hằng	3/ 9/2001	Đồng Tháp	Khoa học cây trồng
28	Võ Văn Kiệt	9/ 6/1992	An Giang	Khoa học cây trồng
29	Lê Thị Minh Lý	12/ 2/1998	Hà Tĩnh	Khoa học cây trồng
30	Đoàn Nhựt Nam	22/ 4/2002	Vĩnh Long	Khoa học cây trồng
31	Nguyễn Thị Kim Oanh	16/ 6/1999	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học cây trồng
32	Nguyễn Thị Kiều Phúc	20/12/1992	Bình Định	Khoa học cây trồng
33	Võ Tấn Phúc	30/ 6/1995	Long An	Khoa học cây trồng
34	Đoàn Thị Tuyết Phương	28/ 2/1987	Tiền Giang	Khoa học cây trồng
35	Nguyễn Thị Thao	6/ 8/1990	Đồng Nai	Khoa học cây trồng
36	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	9/ 2/2000	Sóc Trăng	KT Chế biến lâm sản
37	Đặng Tấn Khôi	28/ 2/1999	Quảng Ngãi	KT Chế biến lâm sản

38	Bùi Phạm	Việt	20/ 7/1981	Bình Định	KT Chế biến lâm sản
39	Lê Minh	Kha	19/ 2/2002	Bến Tre	Kỹ thuật hóa học
40	Vũ Trần	Cường	18/12/1993	Thái Bình	Kỹ thuật môi trường
41	Đỗ Thanh	Phương	2/10/1994	Quảng Ngãi	Kỹ thuật môi trường
42	Lương Thị	Thương	16/01/1988	Đồng Nai	Kỹ thuật môi trường
43	Khuất Thái	Anh	1/ 1/1997	Phú Yên	Lâm học
44	Trần Hữu	Đạt	6/ 1/2000	Khánh Hoà	Lâm học
45	Lê Triệu	Duy	30/ 6/1997	Cà Mau	Lâm học
46	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/ 1/2002	Tiền Giang	Lâm học
47	Vũ Tuấn	Kiệt	23/ 8/2001	Cà Mau	Lâm học
48	Nguyễn Thị Phương	Linh	17/ 9/1995	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học
49	Ngô Giang	Phi	17/ 8/1997	Lâm Đồng	Lâm học
50	Trần Phước	Tối	3/ 8/2001	Kiên Giang	Lâm học
51	Lê Minh	Trí	20/12/1995	Cà Mau	Lâm học
52	Lâm Minh	Tuấn	17/ 6/2001	Bình Định	Lâm học
53	Trần Hiểu	Băng	12/11/2002	Bạc Liêu	Nuôi trồng thủy sản
54	Dương Vũ	Khang	3/12/2002	Cà Mau	Nuôi trồng thủy sản
55	Hà Trần Quốc	Tiến	24/ 1/2002	Bình Định	Nuôi trồng thủy sản
56	Vũ Xuân	Cương	27/ 7/1993	Hải Dương	Quản lý đất đai
57	Dương Tiến	Đạt	13/07/1995	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai
58	Lê Lam	Duy	26/ 7/2000	Tây Ninh	Quản lý đất đai
59	Nguyễn Hoàng	Duy	11/ 7/2002	Long An	Quản lý đất đai
60	Huỳnh Mỹ	Duyên	14/11/2002	Bến Tre	Quản lý đất đai
61	Nguyễn Thiện Đào	Duyên	3/ 7/2000	Đồng Tháp	Quản lý đất đai
62	Phạm Thị Ngọc	Duyên	7/ 7/1992	Bình Định	Quản lý đất đai
63	Phạm Thùy Trúc	Giang	12/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai
64	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/10/2001	Quảng Bình	Quản lý đất đai
65	Nguyễn Hà Mỹ	Hiệp	25/ 2/2003	Bình Định	Quản lý đất đai
66	Nguyễn Chí	Hiếu	29/ 5/2001	Long An	Quản lý đất đai
67	Chu Thị	Huyền	18/10/2000	Đắk Nông	Quản lý đất đai
68	Lã Thị Ngọc	Huyền	1/ 7/2000	Bình Dương	Quản lý đất đai
69	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	23/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai
70	Nguyễn Hoàng	Linh	16/10/1992	Bình Định	Quản lý đất đai
71	Lữ Hữu	Nhân	10/ 2/2001	Bến Tre	Quản lý đất đai
72	Nguyễn Đình	Sen	20/ 9/1993	Quảng Nam	Quản lý đất đai
73	Nguyễn Thanh	Tài	9/ 9/1997	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai
74	Tạ Vũ Minh	Thư	13/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai
75	Bùi Lê Vĩnh	Thuận	4/11/2000	Đồng Tháp	Quản lý đất đai
76	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	26/ 8/2000	Lâm Đồng	Quản lý kinh tế
77	Kiều Nữ Kim	Cường	25/ 8/1987	Ninh Thuận	Quản lý kinh tế
78	Nguyễn Thị Kim	Dung	4/10/1990	Tây Ninh	Quản lý kinh tế
79	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	15/10/1990	Tây Ninh	Quản lý kinh tế
80	Trần Ngọc	Hân	17/ 9/2001	Tiền Giang	Quản lý kinh tế
81	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	21/ 7/2002	Đồng Nai	Quản lý kinh tế
82	Nguyễn Ngọc Trí	Hùng	15/ 7/1989	Khánh Hoà	Quản lý kinh tế
83	Lê Thanh	Hưng	4/11/1986	Bình Định	Quản lý kinh tế

84	Cao Nguyễn Mai	Linh	12/ 9/2002	Quảng Bình	Quản lý kinh tế
85	Nguyễn Khánh	Mai	26/ 9/2002	Đồng Nai	Quản lý kinh tế
86	Lê Quỳnh	Như	2/11/2002	Ninh Thuận	Quản lý kinh tế
87	Nguyễn Võ	Phúc	19/ 6/1989	Phú Yên	Quản lý kinh tế
88	Mai Trúc	Phương	2/ 9/2002	Đồng Nai	Quản lý kinh tế
89	Đỗ Nguyễn Văn	Thanh	30/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý kinh tế
90	Phạm Anh Mai	Thy	30/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý kinh tế
91	Đàng Năng	Tom	7/ 8/1980	Ninh Thuận	Quản lý kinh tế
92	Nguyễn Thị Thanh	Viên	18/12/2003	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế
93	Vũ Hải	Yến	1/ 4/1996	Nam Định	Quản lý kinh tế
94	Phạm Chí	Biết	18/ 1/2001	Bạc Liêu	Quản lý môi trường
95	Ngô Thị Hồng	Hạnh	5/ 4/1995	Lâm Đồng	Quản lý môi trường
96	Nguyễn Đặng Xuân	Hiên	9/ 6/2002	Phú Yên	Quản lý môi trường
97	Nguyễn Lê Bảo	Ngân	23/ 5/2002	Quảng Ngãi	Quản lý môi trường
98	Nguyễn Bá Thanh	Son	9/12/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	Quản lý môi trường
99	Nguyễn Vũ Hoàng	Anh	4/ 9/1995	Đồng Nai	Thú y
100	Đường Trí	Bảo	27/ 9/1998	Bến Tre	Thú y
101	Dương Thị Minh	Châu	8/ 6/1990	Thừa Thiên -Huế	Thú y
102	Ngô Thanh	Cường	8/ 5/1991	Đồng Tháp	Thú y
103	Võ Tấn	Cường	2/ 1/1995	Cần Thơ	Thú y
104	K'	Gùin	20/12/1999	Lâm Đồng	Thú y
105	Đinh Thị Thu	Hiên	15/ 5/1998	Gia Lai	Thú y
106	Hoàng Thị	Hồng	10/ 3/1997	Bình Phước	Thú y
107	Nguyễn Hà Xuân	Hương	5/ 2/1995	Đồng Tháp	Thú y
108	Lê Đoàn	Huỳnh	6/ 4/1998	TP. Hồ Chí Minh	Thú y
109	Nguyễn Khánh	Linh	7/10/1999	Lâm Đồng	Thú y
110	Trần Ngọc Mỹ	Linh	4/ 1/2001	TP. Hồ Chí Minh	Thú y
111	Đỗ Duy	Lượng	19/ 1/2000	Bến Tre	Thú y
112	Nguyễn Văn	Nam	10/10/2001	Thanh Hoá	Thú y
113	Mai Chí	Nghĩa	26/ 7/1999	Tiền Giang	Thú y
114	Trần Đại	Nghĩa	29/ 4/1991	TP. Hồ Chí Minh	Thú y
115	Võ Ngọc Mai	Nương	19/ 7/1997	Tiền Giang	Thú y
116	Nguyễn Khánh	Quốc	24/ 4/1997	Tiền Giang	Thú y
117	Ngô Thanh	Sang	1/ 3/1989	An Giang	Thú y
118	Dương Thị Hà	Thảo	6/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	Thú y
119	Phan Thị	Thương	8/ 8/1998	Lâm Đồng	Thú y
120	Nguyễn Thị Bích	Thường	29/ 2/1992	Phú Yên	Thú y
121	Phạm Thị Quỳnh	Trâm	19/ 1/2001	Lâm Đồng	Thú y
122	Phan Nguyễn Vĩnh	Trình	26/ 4/1995	Tiền Giang	Thú y
123	Nguyễn Thanh	Vân	21/ 1/1992	Đồng Tháp	Thú y
124	Nguyễn Quang	Vinh	5/12/1994	Quảng Ngãi	Thú y

(Danh sách gồm 124 thí sinh)